SAO Y; Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông; Thời gian ký: 26/09/2024 16:29:58 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 30 /GPMT-UBND	*Đắk Nông, ngày 26 tháng 9 năm 2024*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 15/2024/PVT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Hộ chăn nuôi Phạm Văn Tài về việc giải trình chỉnh sửa, bổ sung và đề nghị phê duyệt báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Cơ sở Trang trại chăn nuôi heo thịt tại thôn Ba Tầng, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông của hộ chăn nuôi Phạm Văn Tài (quy mô 2.400 con heo thịt);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 151/TTr-STNMT ngày 29 tháng 8 năm 2024; Công văn số 2423/STNMT-CCBVMT ngày 20/9/2024 về việc giải trình ý kiến góp ý của Thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép môi trường cho Hộ chăn nuôi Phạm Văn Tài, địa chỉ tại Thôn 5, xã Đắk Will, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Trang trại chăn nuôi heo thịt tại thôn Ba Tầng, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông của hộ chăn nuôi Phạm Văn Tài (quy mô 2.400 con heo thịt) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở

1.1. Tên dự án đầu tư/cơ sở: Dự án Trại chăn nuôi heo thịt, quy mô

2.400 con.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Ba Tầng, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

1.3. Tên chủ cơ sở: Hộ chăn nuôi Phạm Văn Tài.

1.4. Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Phạm Văn Tài, giấy CCCD: 037071006659 cấp ngày 12/08/2021 do Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chăn nuôi heo tập trung bằng công nghệ cao, chuồng lạnh, khép kín.

1.6. Phạm vi, quy mô của cơ sở:

- Phạm vi: Thôn Ba Tầng, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

- Quy mô: Tổng diện tích đất sử dụng là 48.734,4 m^2, trong đó:

+ Diện tích xây dựng các hạng mục công trình chính: 3.830 m^2;

+ Diện tích các công trình phụ trợ: 291 m^2;

+ Diện tích công trình bảo vệ môi trường: 2.975 m^2;

+ Sân bãi, đường nội bộ: 800 m^2;

+ Diện tích đất trồng cây xanh, thảm cỏ: 2.755,4 m^2;

+ Diện tích cây lâu năm: 38.083 m^2.

- Quy mô chăn nuôi: 2.400 con heo thịt.

- Là dự án đầu tư nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công) và thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với bụi, khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hộ chăn nuôi Phạm Văn Tài

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có các trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc tuần hoàn, tái sử dụng nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm**, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Cư Jút tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, XD, NN&PTNT;
- UBND huyện Cư Jút;
- UBND xã Ea Pô;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Hộ chăn nuôi Phạm Văn Tài;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT(Ha).

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Trọng Yên

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 30 /GPMT-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt.

- Nguồn số 2: Nước thải chăn nuôi.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải

- Dòng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên làm việc trong khu vực chuồng trại chăn nuôi … phát sinh khoảng 0,75m^3/ngày đêm,được thu gom xử lý qua bể tự hoại và nước thải từ bếp ăn được thu gom xử lý qua bể tách dầu mỡ, sau đó được tập trung tại hố thu gom để xử lý chung với nước thải chăn nuôi.

- Dòng nước thải chăn nuôi bao gồm nước thải chăn nuôi phát sinh từ khu chuồng nuôi và nước mưa rơi vào hồ, bể xử lý nước thải được thu gom về hố thu gom, tách phân, sau đó được đưa về hệ thống xử lý nước thải của trang trại (công suất 300m^3/ngày đêm) để xử lý, nước thải sau xử lý được lưu chứa tại hồ chứa nước thải sau xử lý (có lót bạt).

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải

Nước thải chăn nuôi được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trang trại (công suất 300 m^3/ngày đêm) để xử lý, nước thải sau xử lý được lưu trữ tại hồ chứa nước thải sau xử lý (có lót bạt) sau đó tái sử dụng toàn bộ: Tưới nước cho diện tích trồng cây lâu năm và các loại cây trong khuôn viên Trang trại.

2.3. Vị trí xả nước thải

- Trại chăn nuôi heo thịt, quy mô 2.400 con, tại thôn Ba Tầng, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

- Tọa độ vị trí xả nước thải *(hồ chứa nước thải sau xử lý để tái sử dụng)*: X (m)= 1.409.512,35; Y (m) = 428.203,97 (*Tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 180^{0}30', múi chiếu 3^0*).

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 46,30 m^3/ngày (24 giờ), tương đương 1,93 m^3/giờ.

- Phương thức xả nước thải: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung được bơm về hồ chứa nước sau xử lý và được bơm lên hệ thống tưới gốc cho cây trồng. Không xả ra môi trường ngoài dự án.

- Chế độ xả nước thải:

+ Nước thải sau hệ thống xử lý tập trung được bơm về hồ chứa nước thải sau xử lý: liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

+ Nước thải tái sử dụng tưới gốc cho cây trồng tại diện tích trồng cây lâu năm và trong khuôn viên trang trại: gián đoạn, theo thời điểm tưới gốc cây. Sau khi đã thực hiện công bố hợp quy và đăng ký công bố hợp quy theo đúng quy định

- Chất lượng nước thải chăn nuôi sau xử lý để tuần hoàn, tái sử dụng phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B, $K_f = 1,3$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B, Kf = 1,3)	QCVN 01-195:2022/ BNNPTNT	
1	pH	-	**5,5 - 9**	**5,5 - 9**	3 tháng/lần
2	BOD_5	mg/l	**100**	-	
3	COD	mg/l	**300**	-	
4	TSS	mg/l	**150**	-	
5	Tổng N	mg/l	**150**	-	
6	Tổng Coliform	MPN/100ml	**5.000**	-	
7	Clorua (Cl^-)	mg/l	-	**≤ 600**	
8	Asen (As)	mg/l	-	**≤ 0,1**	
9	Cadimi (Cd)	mg/l	-	**≤ 0,01**	
10	Crom tổng số (Cr)	mg/l	-	**≤ 0,5**	
11	Thủy ngân (Hg)	mg/l	-	**≤ 0,002**	
12	Chì (Pb)	mg/l	-	**≤ 0,05**	
13	E.coli	MPN/100ml	-	**> 1.000 – 5.000**	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

Hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt và nước thải chăn nuôi được thể hiện qua sơ đồ sau:

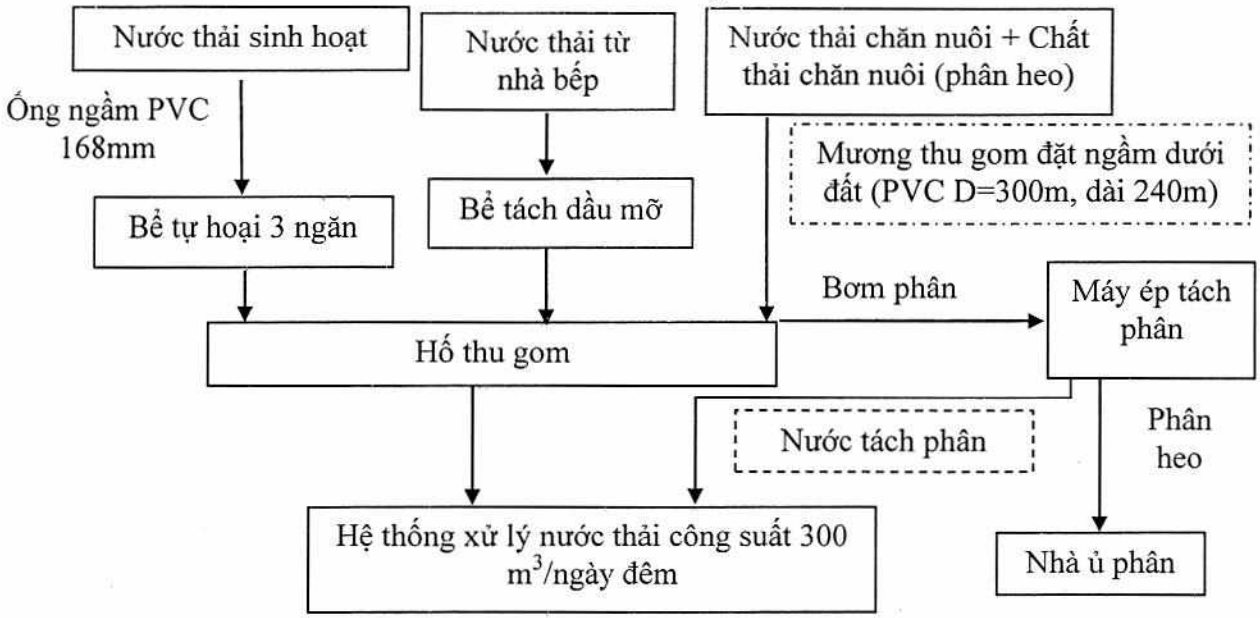

- Nước thải thải sinh hoạt được thu gom bằng đường ống ngầm PVC 168mm dẫn về bể tự hoại 3 ngăn (thể tích 5 m^3) để xử lý sơ bộ. Sau đó, nước thải được tập trung tại hố thu gom (kích thước L × B × H = 5m × 3m × 2m) để xử lý chung với nước thải chăn nuôi.

- Nước thải từ bếp ăn được dẫn qua bể tách dầu mỡ (thể tích 0,5 m^3) để xử lý sơ bộ. Sau đó, nước thải được thu gom về hố thu gom (kích thước L × B × H = 5m × 3m × 2m) để xử lý chung với nước thải chăn nuôi.

- Nước thải phát sinh từ chuồng trại chăn nuôi được thu gom qua hệ thống mương thu gom kiên cố, đặt ngầm dưới đất (PVC D=300m, dài 240m) để giảm tối đa quá trình phát sinh mùi, đảm bảo thoát phân và nước theo độ dốc. Nước thải được dẫn về hố thu gom (kích thước L × B × H = 5m × 3m × 2m). Tại hố thu gom đặt một vòi bơm hút đưa nước thải và phân đến máy ép tách phân. Nước sau khi tách phân được đưa qua hệ thống xử lý nước thải công suất 300 m^3/ngày đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải chăn nuôi tại trang trại như sơ đồ sau:

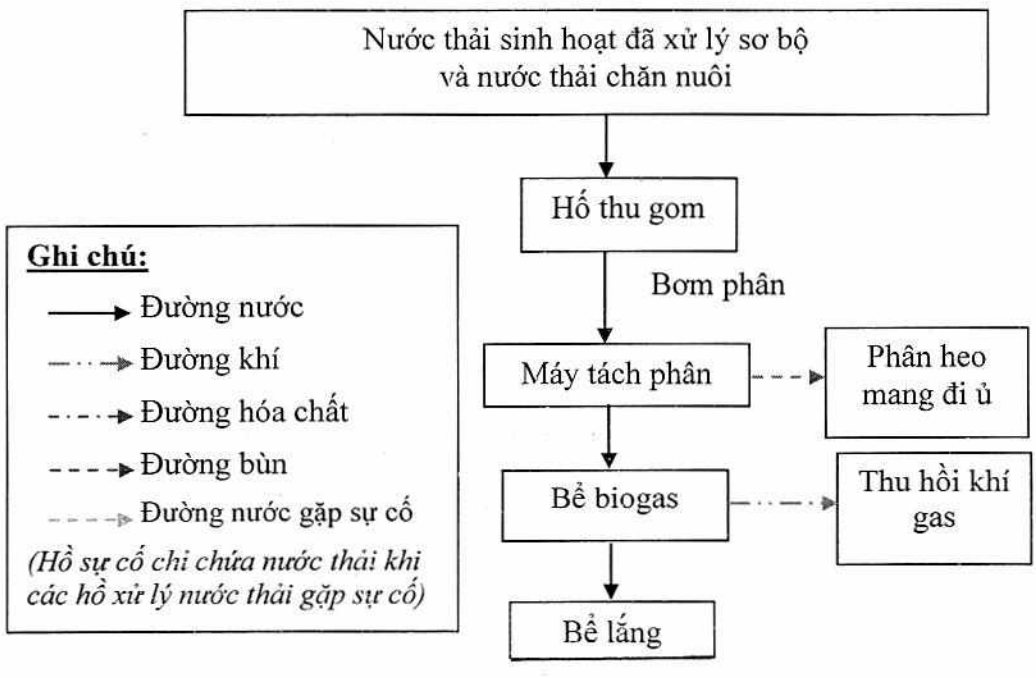

- Công suất thiết kế: 300 m^3/ngày (24 giờ).

- Kích thước các hồ, bể của hệ thống xử lý nước thải như sau:

STT	Hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật *Bê tông cốt thép (viết tắt là: BTCT)*
1	Hố thu gom	01	- Vật liệu: BTCT. - Kích thước: L x B x H = 5m x 3m x 2m. - Thể tích: 30 m^3.
2	Bể Biogas	01	- Vật liệu: BTCT có lót bạt chống thấm HDPE. - Kích thước: L x B x H = 25m x 13m x 5m. - Thể tích chứa: 1.625 m^3. - Thời gian lưu: 10 ngày
3	Bể lắng	01	- Vật liệu: BTCT có lót bạt chống thấm HDPE. - Kích thước: L x B x H= 15m x 13m x 4m. - Thể tích chứa: 570 m^3. - Thời gian lưu nước: 1,9 ngày.
4	Bể điều hòa hiếu khí	01	- Vật liệu: BTCT có lót bạt chống thấm HDPE. - Kích thước: L x B x H= 15m x 13m x 4m. - Thể tích chứa: 570 m^3. - Thời gian lưu nước: 1,9 ngày.
5	Bể tuyển nổi	01	- Vật liệu: Sắt thép. - Kích thước: Đường kính lòng D = 3,5m, chiều cao H = 1m. - Thể tích chứa: 7,065 m^3. - Thời gian lưu nước: 34 phút.
6	Hồ sinh học	01	- Vật liệu: BTCT có lót bạt chống thấm HDPE. - Kích thước: L x B x H= 12m x 10m x 5m, taluy 1:1. - Thể tích chứa: 600 m^3. - Thời gian lưu nước: 2,0 ngày.
7	Hồ chứa nước thải sau xử lý	01	- Vật liệu: BTCT có lót bạt chống thấm HDPE. - Kích thước: L x B x H= 12m x 10m x 6m. - Thể tích: 720 m^3. - Thời gian lưu nước: 2,4 ngày.
8	Hồ sự cố	01	- Vật liệu: BTCT có lót bạt chống thấm HDPE. - Kích thước: L x B x H= 15m x 13m x 4m. - Thể tích chứa: 570 m^3. - Thời gian lưu nước: 2,0 ngày
9	Bể chứa bùn	01	- Vật liệu: BTCT có lót bạt chống thấm HDPE. - Kích thước: L x H = 6m x 3m.

- Bùn thảiphát sinh: Được thu gom tại bể chứa bùn và ép qua máy ép phân sau đó đem đi ủ phân và bón cho cây trồng.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, PAM A, Clorine (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom, xử lý nước thải chăn nuôi, bảo đảm hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định, hiệu quả xử lý cao. Bố trí nhân viên có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm vận hành hệ thống xử lý nước thải cũng như các công trình, hệ thống xử lý chất thải khác.

- Không vứt rác trong khu vực chuồng hoặc xung quanh dãy chuồng, tránh trường hợp rác bị cuốn vào mương gây ứ đọng, tắc mương tại các điểm giao.

- Bố trí một hồ sự cố có thể tích lưu trữ là 570 m^3 (kích thước: 15m x 13m x 4m) để dự phòng lưu chứa nước thải trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố.

- Bố trí máy bơm, đường ống, tủ phân phối điện cố định và máy bơm dự phòng công suất tương đương để thay thế bơm xử lý nước thải khi có sự cố.

- Đối với những khu vực có nền đất yếu như bờ của các hồ xử lý nước thải và hồ chứa nước thải sau xử lý sẽ được gia cố, đầm nén chặt, lót bạt chống thấm và trồng bổ sung cây xanh ở những khu vực vị trí xung yếu, bờ có độ dốc cao.

- Trong quá trình hoạt động nếu bạt HDPE tại các hồ sinh học, hầm Biogas, bể chứa bùn ...có hiện tượng thấm, rò rỉ nước, rách ... không đảm bảo kỹ thuật phải khắc phục hoặc thay mới bạc HDPE theo quy định.

- Trường hợp chất lượng nước thải không đạt QCVN 62-MT:2016/BTMT, cột B và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT (phát hiện thông qua một số sự cố trong quá trình chăn nuôi hoặc qua công tác kiểm tra nước thải đầu ra định kỳ), phải dừng ngay việc tuần hoàn, tái sử dụng cho các hoạt động của trang trại, kiểm tra tìm kiếm lỗi phát sinh để khắc phục kịp thời. Sau khi kiểm tra, khắc phục (lấy mẫu phân tích các thông số ô nhiễm cho đến khi đạt yêu cầu), nước thải sau xử lý tiếp tục được tuần hoàn, tái sử dụng cho các hoạt động của trang trại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 6 tháng kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m^3/ngày (24 giờ).

- Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí:

+ 01 vị trí tại hố thu gom nước thải trước khi vào hầm Biogas (đầu vào) của HTXLNT.

+ 01 mẫu tại hồ chứa nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành, Chủ cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại QCVN 62-MT:2016/BTMT, cột B và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT.

- Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (theo cam kết của chủ đầu tư), cụ thể như sau: Cơ sở tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

Ghi chú: Trong trường hợp bất khả kháng không thể đo đạc, lấy và phân tích mẫu liên tiếp được thì phải thực hiện đo đạc, lấy và phân tích mẫu sang ngày kế tiếp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi tái sử dụng. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại QCVN 62-MT:2016/BTMT, cột B và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT và phải dừng ngay việc tái sử dụng nước thải sau xử lý cho các hoạt động của Trang trại để thực hiện các biện pháp khắc phục, sau khi khắc phục hệ thống xử lý nước thải mới bơm trở lại hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục quá trình xử lý, bảo đảm không xả nước thải chưa xử lý ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

- Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị và thường xuyên kiểm tra hiệu suất của các hạng mục công trình xử lý nước thải để đảm bảo nước thải được xử lý theo đúng quy chuẩn, quy định hiện hành, tránh xảy ra các sự cố môi trường.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc đầy đủ các trách nhiệm quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền và chính quyền địa phương trong việc kiểm tra, giám sát hệ thống xử lý chất thải theo đúng quy định.

- Có biện pháp ngăn chặn nước thải chảy tràn vào các hồ xử lý nước thải gây ra sự cố môi trường.

- Hồ sự cố chỉ được tích nước khi xảy ra sự cố liên quan đến hệ thống xử lý nước thải.

- Thực hiện công bố hợp quy và đăng ký công bố hợp quy theo đúng quy định khi trang trại có nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng áp dụng QCVN 01-195:2022/BNNPTNT; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 30 /GPMT-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 1: Bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên liệu, nhập, xuất heo và chăm sóc vật nuôi (cho heo ăn).

- Nguồn số 2: Mùi hôi trong khu vực chuồng trại chuồng trại.

- Nguồn số 3: Mùi hôi từ hoạt động thu gom và xử lý chất thải, nước thải.

- Nguồn số 4: Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng 250 KVA (phát sinh không thường xuyên, chỉ phát sinh khi máy phát điện dự phòng hoạt động).

- Nguồn số 5: Khí thải phát sinh từ hầm Biogas, phát sinh khoảng 11,5 m^3/ngày, tương đương 0,48 m^3/giờ.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống làm mát, hầm biogas, thiết bị đốt gas thừa, quạt hút để tránh xảy ra các sự cố môi trường.

- Tất cả các phương tiện vận chuyển sử dụng cho hoạt động vận chuyển của trang trại phải được kiểm tra kỹ thuật định kỳ, bảo dưỡng theo đúng quy định, đảm bảo các thông số khí thải của xe đạt yêu cầu về mặt môi trường.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, giám sát việc vận hành, bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị của công trình xử lý bụi, khí thải để đảm bảo khí thải xử lý theo đúng quy chuẩn, quy định hiện hành, tránh xảy ra các sự cố môi trường.

- Có biện pháp ngăn ngừa, hạn chế việc phát tán bụi, khí thải, mùi hôi ra môi trường xung quanh.

- Thường xuyên có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị tại bể điều hòa hiếu khí tránh hiện tượng yếm khí, hạn chế mùi phát sinh ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

- Định kì tiến hành công tác vệ sinh đường ống, hố ga thu gom nước thải để tránh phân, nước thải ứ đọng làm phát sinh mùi.

- Đối với mùi hôi sau quạt hút: Xây dựng khung lưới che chắn kết hợp với hệ thống phun chế phẩm sinh học khử mùi để hạn chế mùi hôi phát tán ra môi trường xunh quanh khu vực.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 30 /GPMT-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. NỘI DUNG BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của quạt hút.

- Nguồn số 2: Tiếng ồn do heo kêu.

- Nguồn số 3: Tiếng ồn từ máy bơm của hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 4: Tiếng ồn từ máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Khu vực chuồng nuôi, quạt hút sau các dãy chuồng, khu vực hệ thống xử lý nước thải, khu vực đặt máy phát điện.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tiếng ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	55	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Đối với tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của quạt hút:

+ Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng quạt. Bôi trơn ổ bi, vệ sinh cánh quạt và tấm mở của quạt.

+ Đảm bảo mật độ cây xanh của cơ sở.

- Đối với tiếng ồn phát sinh từ máy bơm nước thải, máy phát điện dự phòng:

+ Bố trí khu vực nhà đặt máy phát điện riêng với khu nhà ở công nhân.

+ Bố trí khu vực đặt máy bơm nước thải cách ly với khu vực nhà ở công nhân, chuồng trại chăn nuôi.

+ Lắp đặt máy móc, thiết bị đúng quy cách, có đệm chống ồn và chân kê cố định chống rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: (không).

- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động, kiểm soát tiếng ồn, độ rung để không gây ảnh hưởng đến công nhân trong khu vực trang trại và người dân gần khu vực trang trại.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 30 /GPMT-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. NỘI DUNG QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên.

STT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Kí hiệu phân loại	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
1	Pin, sạc điện thoại	Rắn	16 01 12	0,5	NH	Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định
2	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06		NH	
4	Bơm kim tiêm	Rắn	13 02 01	2 ÷ 5	NH	
5	Bao bì đựng thuốc	Rắn	18 01 01		KS	
6	Chai lọ đựng thuốc	Rắn	18 01 04		KS	
7	Gia súc, gia cầm chết (do dịch bệnh)(*)	Rắn	14 02 01	252 tấn (tính toán ở mức tối đa)	NH	Bố trí 1.200 m^2 diện tích đất dự phòng để tiêu hủy heo chết do dịch bệnh

(*): Chỉ phát sinh khi có sự cố dịch bệnh xảy ra.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn chăn nuôi thông thường phát sinh

- Phân heo thải ra hằng ngày khoảng 3,2 tấn tươi/ngày. Sau khi qua thiết bị tách ép thu được khoảng 1,3 tấn phân khô/ngày.

- Bùn thải từ hầm Biogas với khối lượng 48,6 kg/ngày.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải với khối lượng 57,8 kg/ngày.

- Heo chết trong quá trình chăm sóc: Ước tính khối lượng heo chết 7.560 kg/đợt, tương đương khoảng 23kg/ngày.

- Giấy làm mát giàn lạnh với khối lượng khoảng 56 kg/lần thay; bình quân 7-10 năm thay 1 lần.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát

Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường để có biện pháp quản lý phù hợp.

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải sinh hoạt phát sinh

- Chủng loại: Rác thải sinh hoạt như: vỏ lon, chai nhựa, bìa giấy, bao bì, thức ăn thừa...

- Khối lượng phát sinh: Khoảng 3 kg/ngày; tương đương 1.095 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn chăn nuôi thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa HDPE, dung tích 120 lít, có dán nhãn.

- Kho lưu chứa trong nhà:

+ Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 15 m^2 (3m × 5m)

+ Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Kết cấu nhà kho có chiều cao 2m, mái lợp tole, tường xây gạch tô 2 mặt, nền nhà kho đổ bê tông và láng xi măng, cửa ra vào khung sắt, có gờ bao. Kho lưu chứa chất thải nguy hại có biển cảnh báo và trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy…. và tuân theo các quy định khác được hướng dẫn tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi Trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn chăn nuôi thông thường

- Thiết bị lưu chứa: Bao bì

- Khu vực lưu chứa, ủ phân sau khi ép:

+ Diện tích nhà ủ phân 300 m^2 và nhà chứa phân heo 150m^2.

+ Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Nhà kho cao 2 m, kết cấu khung sắt, mái lợp tôn, nền bê tông.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: đầu tư thùng chứa rác có nắp đậy để phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định (mỗi khu vực 3 thùng chứa rác).

- Khu vực lưu chứa: Thùng rác được bố trí tại khu văn phòng làm việc, nhà ở công nhân, kho chứa chất thải sinh hoạt.

+ Lưu chứa vào kho diện tích 15 m^2 (3m × 5m).

+ Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Nhà kho cao 2 m, kết cấu khung sắt, mái lợp tôn, nền bê tông.

- Đối với các chất thải có thể tái chế như: nhựa, chai lọ, hộp giấy,… sẽ thu gom và lưu giữ riêng tại kho chứa chất thải rắn thông thường. Sau đó bán cho các đơn vị thu mua làm vật liệu tái chế.

- Đối với chất thải không thể tái chế được như là bao bì, thực phẩm thừa,… sẽ được thu gom vào thùng chứa rác, hằng ngày được đưa về hố chôn lấp.

- Hố chôn lấp rác: Hố chôn lấp rác được bố trí phía Tây Nam Trang trại. Rác sau khi đầm nén sẽ được phủ một lớp đất trung gian và phun chế phẩm sinh học EM Pro 1 hạn chế mùi hôi, giảm thiểu vi sinh vật gây bệnh.

- Khi dịch vụ thu gom rác được thực hiện đến khu vực trang trại, Chủ Trang trại sẽ kí hợp đồng thu gom rác với đơn vị có chức năng.

- Ban hành nội quy giữ gìn vệ sinh chung tại Trang trại và thường xuyên nhắc nhở công nhân nghiêm túc thực hiện.

2.4. Yêu cầu khác

Thực hiện phân loại chất thải sinh hoạt theo Kế hoạch số 249/KH-UBND ngày 16/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc phân loại chất thải rắn tại nguồn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải

3.1. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại (nếu có)

Không tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

3.2. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn chăn nuôi thông thường

Ủ phân:

- *Loại chất thải tự tái chế, tái sử dụng*: Phân heo, bùn từ hệ thống Biogas và bùn từ hệ thống xử lý nước thải.

- *Khối lượng chất thải tự tái chế, tái sử dụng*:

+ Phân heo: 1,3 tấn phân khô/ngày.

+ Bùn từ hệ thống xử lý nước thải và hầm biogas: 106,4 kg/ngày.

- *Tóm tắt quy trình công nghệ tái chế, tái sử dụng*:

+ Lượng phân heo sau khi ép, bùn từ hệ thống xử lý nước thải và hầm biogas sẽ được trộn với chất phối trộn và chế phẩm sinh học bao gồm: Super lân 2%; Phân vi sinh 2-3%, chế phẩm sinh học EM thứ cấp (tỷ lệ 1-1,5 lít dung dịch nồng độ 1-5% tưới cho phân), phân được ủ trong 45 ngày.

+ Phân sau khi ủ được đóng bao với trọng lượng 50kg/bao. Sử dụng bao chứa 02 lớp, lớp trong là bao nilon, lớp ngoài là bao tận dụng bao đựng cám đã qua sử dụng. Phân sau khi đóng bao sẽ vận chuyển về kho chứa phân để tạm trữ. Kho chứa phân có diện tích 150 m^2, có sức chứa khoảng 200 tấn. Phân sau đó được sử dụng để bón cho cây trồng (diện tích 38.083 m^2 cây cà phê).

Bếp luộc xác heo chết:

- *Loại chất thải tự xử lý*: Xác heo chết với kích thước và khối lượng nhỏ.

- *Tóm tắt công nghệ tự xử lý*: Bố trí lắp đặt bếp luộc sử dụng nhiên liệu đốt là khí gas dẫn từ hầm Biogas nhằm luộc chín chất thải này và sử dụng cho cá ăn tại các ao cá của các hộ dân xung quanh khu vực trang trại.

Hầm hủy xác:

- *Loại chất thải tự xử lý*: Xác heo chết với kích thước và khối lượng lớn.

- *Khối lượng chất thải tự xử lý*: 23 kg/ngày tương đương với 7.560 kg/đợt.

- *Tóm tắt công nghệ tự xử lý*: Xây dựng hầm hủy xác nhằm xử lý xác heo chết thông thường đúng tiêu chuẩn của luật Chăn nuôi, hầm hủy xác kích thước 3m × 3m × 3m có kết cấu bê tông, được xây bao xung quanh và được đậy kín để đảm bảo nước mưa không chảy vào và chống mùi. Hầm hủy xác hoạt động theo phương pháp tự phân hủy nhờ vào sự hoạt động của các vi sinh có trong chế phẩm sinh học EM, tiến hành pha 01 lít EM với 20 lít nước sạch, phun phủ đều bề mặt xác heo và phun định kì 01 ngày 01 lần nhằm tăng khả năng phân hủy và giảm thiểu mùi hôi phát sinh, đồng thời tăng cương rải vôi xung quanh hầm và trong hầm nhằm ngăn chặn, tiêu diệt các loại nấm, vi khuẩn có thể gây bệnh.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố trong quá trình vận hành trang trại, sự cố trong quá trình vận hành các hệ thống xử lý nước thải và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Trong trường hợp xảy ra dịch bệnh chết hàng loạt, biện pháp xử lý thực hiện theo Điều 30 Luật Thú y năm 2015 về xử lý bắt buộc động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh và sản phẩm động vật mang mầm bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch, danh mục bệnh truyền lây giữa động vật và người hoặc phát hiện có tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với Kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 5

YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 30 /GPMT-UBND
Ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải, công trình xây dựng; hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.

2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này, các nội dung đề xuất trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi tường của cơ sở đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành.

3. Quản lý các chất thải, mùi phát sinh trong quá trình hoạt động của trang trại bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

5. Đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp sự cố môi trường xảy ra do vận hành cơ sở.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

7. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của trang trại cho cơ quan cấp Giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

8. Trường hợp có thay đổi tên chủ đầu tư thì chủ đầu tư mới có trách nhiệm tiếp tục thực hiện giấy phép môi trường và thông báo cho cơ quan cấp giấy phép môi trường biết để được cấp đổi Giấy phép.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp

các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

10. Đảm bảo đủ kinh phí và thực hiện nghiêm chương trình giám sát môi trường, báo cáo kết quả theo quy định; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra./.